STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá viện phí TT13	Giá BHYT TT13	Giá TT22
444	Định lượng Cholesterol toàn phần (dịch chọc dò)	Lần	26900	26900	27,300
445	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	mmol/L	12900	12900	13,000
446	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	g/L	21500	21500	21,800
447	Định lượng Triglycerid (dịch chọc dò)	Lần	26900	26900	27,300
448	Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò)	Lần	26900	26900	27,300
449	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	43100	43100	43,700
450	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	Lần	56000	56000	56,800
451	Định lượng Amylase (dịch)	Lần	21500	21500	21,800
452	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Lần	21500	21500	21,800
453	Định lượng Clo (dịch não tuỷ)	mmol/L	22500	22500	22,800
454	Định lượng Glucose (dịch não tủy)	mmol/L	12900	12900	13,000
455	Định lượng Protein (dịch não tủy)	mg/L	10700	10700	10,900
456	Phản ứng Rivalta [dịch]	Lần	8500	8500	8,600
4817	Định lượng Protein (dịch chọc dò)[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	g/L	21500	21500	21,800
4818	Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò)[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	Lần	26900	26900	27,300
4819	Định lượng Clo (dịch não tuỷ)[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	mmol/L	22500	22500	22,800
4820	Định lượng Glucose (dịch não tủy)[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	mmol/L	12900	12900	13,000
4821	Phản ứng Rivalta [dịch][Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	Lần	8500	8500	8,600